

Bản án số: 10/2018/DS-ST

Ngày: 23/5/2018

“V/v Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Nguyễn Hồng Lành.**
- 2. Ông Trần Thanh Tuấn.**

Thư ký Tòa án: Ông Tạ Văn Cung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm coAg khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2017/TLST – DS ngày 05 tháng 10 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Q T - sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Trương Th T – sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Th H (Nguyễn Th N) - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh T và chị H có đơn yêu cầu vắng mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện anh T yêu cầu bà T trả cho anh T và chị H số tiền nợ hui là 34.000.000đ, không yêu cầu T lãi suất. Tại các lời khai tiếp theo anh T xác

định khi bà T tham gia chơi hụi và hốt hụi thì chồng bà T là ông Nguyễn V B còn sống và biết việc này, nay ông B đã chết thì anh yêu cầu bà T cùng với các con của bà T và ông B là chị S và anh A cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà T. Vào ngày 08 tháng 01 năm 2018 anh T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000đ và tại lời khai tiếp theo anh T xác định chỉ yêu cầu một mình bà T trả cho anh T và chị H số tiền nợ hụi là 30.000.000đ, không yêu cầu T lãi suất.

* Bị đơn bà Trương Th T trình bày: Bà T thừa nhận việc bà chơi hụi do anh T làm chủ là thời gian chồng bà T là ông Nguyễn V B còn sống, nay chồng bà T đã chết, bà T đồng ý một mình bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ 30.000.000đ cho anh T và chị H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Th H thống nhất với yêu cầu và trình bày của anh T đối với bà T.

* Tại phiên tòa:

- Anh T và chị H có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, không có nộp văn bản cho Tòa án thể hiện ý kiến khác.

- Bà T vắng mặt tại phiên tòa, không có nộp văn bản cho Tòa án thể hiện ý kiến khác.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

* **Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký T từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Anh T và chị H tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, bà T vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc bà T trả cho anh T và chị H số tiền nợ hụi là 30.000.000đ. Do anh T rút yêu cầu đối với số tiền 4.000.000đ, nên đình chỉ yêu cầu này của anh T đối với bà T.

* **Các tình tiết của vụ án:**

- Bà T có nợ tiền hụi của anh T và chị H là 30.000.000đ.

- Bà T đồng ý một mình bà T trả cho anh T và chị H số tiền 30.000.000đ.

- Anh T rút yêu cầu đối với số tiền 4.000.000đ và chỉ yêu cầu một mình bà T trả cho anh T và chị H số tiền 30.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Anh T khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền nợ hụi, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù

hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do anh T và chị H có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, bà T vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T:

- Do anh T rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000đ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này của anh T đối với bà T.

- Anh T xác định do chồng của bà T là ông B đã chết, nên anh T chỉ yêu cầu một mình bà T trả cho anh và chị H số tiền nợ hui là 30.000.000đ, bà T thừa nhận có nợ tiền hui anh T với chị H và đồng ý một mình bà T trả cho anh T và chị H số tiền 30.000.000đ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh như quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thể hiện bà T thừa nhận có nợ tiền hui của anh T và chị H, nên việc anh T khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền nợ hui là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh T.

- Do anh T và bà T không thỏa thuận được thời gian và phương thức trả nợ, nên Hội đồng xét xử buộc bà T có nghĩa vụ trả cho anh T và chị H số tiền nợ hui là 30.000.000đ.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ buộc bà T trả cho anh T và chị H số tiền nợ hui là 30.000.000đ.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do anh T được chấp nhận yêu cầu, nên anh T không phải chịu án phí. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 850.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010261 ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, nên anh T được nhận lại số tiền 850.000đ.

- Buộc bà Trương Thị T chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.500.000đ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, 468 và 479 của Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Q T đối với số tiền 4.000.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của anh Nguyễn Q T đối với bà Trương Th T, buộc bà T trả cho anh T và chị H số tiền nợ hui là 30.000.000đ.

3. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Anh T không phải chịu án phí. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 850.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010261 ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, nên anh T được nhận lại số tiền 850.000đ.

- Buộc bà Trương Th T chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là 1.500.000đ.

“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự”.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang